

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2026/DS-PT

Ngày: 23/3/2026

V/v tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Ái Đoan.

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Trần Thị Điều - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1009/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2025/DS-ST, ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 325/2026/QĐ-PT ngày 08/01/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N1;

Đại diện theo pháp luật: Phạm Toàn V; Chức vụ: Tổng Giám Đốc;

Địa chỉ: Số 2 – Láng Hạ, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội;

Chi nhánh huyện Tháp Mười - tỉnh Đồng Tháp;

Nay là Chi nhánh Tháp Mười – tỉnh Đồng Tháp;

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thanh P; Chức vụ: Giám đốc;

Ủy quyền lại: Nguyễn Thị Kim H; (có văn bản xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Lê Văn V1, sinh năm 1966; (có văn bản xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Phạm Thị G, sinh năm 1968;

Lê Việt T, sinh năm 1991;

Lê Thị Bảo N, sinh năm 2001;

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của bà G, chị N, anh T:

Nguyễn Thị Thảo T1, sinh năm 1985; (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp;

Nay là: xã Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

*. Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị G, chị Lê Thị Bảo N, anh Lê Việt T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**. Theo án sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N1 là anh Đào Hữu L trình bày:*

Ngân hàng N1 – Chi nhánh T có cho ông Lê Văn V1 tại xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) vay vốn tại hợp đồng như sau:

Hợp đồng tín dụng số 6505LAV202206496, ngày vay 12/07/2022 số tiền vay là: 400.000.000 đồng, hạn trả cuối cùng 10/07/2027, thời hạn vay 60 tháng, với lãi suất 11 %/năm, nợ gốc quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Trong khoảng vay này ông V1 có trả được 01 kỳ là 80.000.000đồng;

Hợp đồng tín dụng số 6505LAV202305662, ngày vay 17/07/2023 số tiền vay là: 110.000.000 đồng, hạn trả cuối cùng 10/07/2024, thời hạn vay 12 tháng, với lãi suất 11 %/năm, nợ gốc quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn;

Ngoài ra, mức lãi suất còn phải thực hiện theo Điều 2 được ghi trong hợp đồng tín dụng. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất do ông Lê Văn V1 đứng tên gồm: Giấy CNQSDĐ số: CT 510874, số vào sổ CS02874: thửa 42, tờ bản đồ: 14, do Sở TN & MT tỉnh Đ cấp ngày 08/11/2019 với diện tích: 394,6 m²; địa chỉ thửa đất xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp). Tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 2022-849/HĐTC ngày 11/07/2022;

Trong thời gian vay, do ông Lê Văn V1 không hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo kỳ hạn, dẫn đến nợ xấu.

Ngân hàng N1 - chi nhánh T - Đồng Tháp yêu cầu hộ ông Lê Văn V1 gồm: ông Lê Văn V1, bà Phạm Thị G, anh Lê Việt T, chị Lê Thị Bảo N trả số tiền gốc, lãi như sau:

Hợp đồng tín dụng số 6505LAV202206496 là: 320.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 27/05/2025 là: 73.100.000 đồng (trong đó lãi gốc: 69.000.000 đồng; lãi chậm trả 4.100.000 đồng) và yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh thêm theo HĐTD 6505LAV202206496;

Hợp đồng tín dụng số 6505LAV202305662 là: 110.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 27/05/2025 là: 34.000.000 đồng (trong đó lãi gốc: 29.000.000 đồng; lãi chậm trả 5.000.000 đồng) và yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh thêm theo HĐTD 6505LAV202305662;

Trường hợp hộ ông Lê Văn V1 không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng N1 chi nhánh T có quyền yêu

cầu Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ nợ vay là quyền sử dụng đất số: CT 510874, số vào sổ CS02874: thửa 42, tờ bản đồ: 14, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 08/11/2019 với diện tích: 394,6 m²; địa chỉ thửa đất xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp).

**. Bị đơn ông Lê Văn V1 tại tờ tự khai ghi ngày 27/5/2025:* Vào ngày 12/7/2022, ông Lê Văn V1 có vay số tiền 400.000.000 đồng. Thời hạn 5 năm lãi suất 11%/ năm, theo kỳ hạn mỗi năm trả một lần là 80.000.000 đồng. Ông V1 đã trả được 01 kỳ, hiện còn nợ vốn là 320.000.000 đồng. Đến ngày 17/7/2023, ông V1 vay thêm 110.000.000 đồng, thời hạn 11 tháng. Do làm ăn khó khăn nên chưa có trả cho Ngân hàng được. Ông Lê Văn V1 đồng ý trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc của hai khoảng nợ là 430.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng vay.

**. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị G, Lê Việt T, Lê Thị Bảo N không có văn bản trình bày ý kiến.*

Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2025/DS-ST, ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - tỉnh Đồng Tháp đã Quyết định:

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng N1 - Chi nhánh T.

Buộc ông Lê Văn V1, bà Phạm Thị G, anh Lê Việt T, chị Lê Thị Bảo N trả cho Ngân hàng N1 - Chi nhánh T số tiền gốc của Hợp đồng tín dụng số 6505LAV202206496 là: 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng) và lãi tạm tính đến ngày 27/05/2025 là: 73.100.000 đồng (Bảy mươi ba triệu một trăm nghìn đồng) (trong đó lãi gốc: 69.000.000 đồng; lãi chậm trả 4.100.000 đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh theo HĐTD 6505LAV202206496 cho đến khi trả hết nợ và số tiền gốc của Hợp đồng tín dụng số 6505LAV202305662 là: 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) và lãi tạm tính đến ngày 27/05/2025 là: 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng) (trong đó lãi gốc: 29.000.000 đồng; lãi chậm trả 5.000.000 đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh theo HĐTD 6505LAV202305662 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp hộ ông Lê Văn V1 không trả nợ thì phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2022-849/HĐTC ngày 11/7/2022.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn V1, bà Phạm Thị G, anh Lê Việt T, chị Lê Thị Bảo N phải nộp 25.484.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N1 - Chi nhánh T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng N1 - Chi nhánh T số tiền 14.780.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001399 ngày 08/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Đồng Tháp);

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự;

Ngày 02 và 03/10/2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị G, chị Lê Thị Bảo N, anh Lê Việt T kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm với nội dung: Không có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng ông Lê Văn V1;

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị G, chị Lê Thị Bảo N, anh Lê Việt T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo: Không có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng ông Lê Văn V1, đề nghị sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đưa ra nhiều luận cứ xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là phù hợp về trách nhiệm liên đới của ông Lê Văn V1 và bà Phạm Thị G, tại vì: Tại giai đoạn sơ thẩm bà Phạm Thị G đồng ý cùng ông Lê Văn V1 liên đới trả số nợ gốc cho Ngân hàng và tiền lãi phát sinh nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị G;

Đối với chị Lê Thị Bảo N, anh Lê Việt T là người cùng trong hộ gia đình nên có ký vào hợp đồng thế chấp tài sản. Khi ông V1, bà G không trả nợ gốc và tiền lãi cho Ngân hàng thì tài sản đảm bảo sẽ được thanh lý theo quy định nên anh Lê Việt T, chị Lê Thị Bảo N không có trách nhiệm liên đới trong các Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và ông Lê Văn V1 nên đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị N, anh T, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hạn kháng cáo, sự có mặt, vắng mặt của đương sự, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng thế chấp tài sản” được quy định tại Điều 463 và Điều 317 Bộ luật Dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị G, chị Lê Thị Bảo N, anh Lê Việt T và biên lai nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị G, chị

Lê Thị Bảo N, anh Lê Việt T kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Ngân hàng, ông V1 có văn bản xin vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Xét các hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng N1 và ông Lê Văn V1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngân hàng N1 – Chi nhánh T có cho ông Lê Văn V1, tại xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vay vốn tại các hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số 6505LAV202206496, ngày vay 12/07/2022 số tiền vay là: 400.000.000 đồng, hạn trả cuối cùng 10/07/2027, thời hạn vay 60 tháng, với lãi suất 11 %/năm, nợ gốc quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Trong khoảng vay này ông V1 có trả được 01 kỳ là 80.000.000 đồng;

Hợp đồng tín dụng số 6505LAV202305662, ngày vay 17/07/2023 số tiền vay là: 110.000.000 đồng, hạn trả cuối cùng 10/07/2024, thời hạn vay 12 tháng, với lãi suất 11 %/năm, nợ gốc quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn;

Trong thời gian vay, do ông Lê Văn V1 không hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo kỳ hạn;

Ngân hàng N1 khởi kiện yêu hộ ông Lê Văn V1 gồm: ông Lê Văn V1, bà Phạm Thị G, anh Lê Việt T, chị Lê Thị Bảo N trả số tiền gốc, lãi như sau:

Hợp đồng tín dụng số 6505LAV202206496 là: 320.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 27/05/2025 là: 73.100.000 đồng (trong đó lãi gốc: 69.000.000 đồng; lãi chậm trả 4.100.000 đồng) và yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh thêm theo HĐTD 6505LAV202206496;

Hợp đồng tín dụng số 6505LAV202305662 là: 110.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 27/05/2025 là: 34.000.000 đồng (trong đó lãi gốc: 29.000.000 đồng; lãi chậm trả 5.000.000 đồng) và yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh thêm theo HĐTD 6505LAV202305662;

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần này chưa phù hợp, bởi vì:

Căn cứ vào hai hợp đồng tín dụng trên thì Ngân hàng cho cá nhân ông Lê Văn V1 vay nên khi ông Lê Văn V1 vi phạm nghĩa vụ của hai hợp đồng tín dụng trên thì ông Lê Văn V1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và tiền lãi phát sinh từ hai hợp đồng tín dụng nêu trên;

Tại giai đoạn sơ thẩm, bà Phạm Thị G1 tự nguyện cùng ông Lê Văn V1 liên đới trả số tiền nợ vay nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Lê Văn V1 và bà Phạm Thị G có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh từ hai

hợp đồng tín dụng nêu trên là phù hợp;

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc hộ của ông Lê Văn V1 gồm có: Anh Lê Việt T, chị Lê Thị Bảo N cùng có trách nhiệm liên đới với ông Lê Văn V1, bà Phạm Thị G trả số tiền vay và tiền lãi phát sinh từ hai hợp đồng tín dụng trên là không phù hợp, bởi vì:

Chị Lê Thị Bảo N, anh Lê Việt T là người cùng trong gia đình nên có ký vào hợp đồng thế chấp tài sản. Khi ông V1, bà G không trả nợ gốc và tiền lãi cho Ngân hàng thì tài sản đảm bảo sẽ được thanh lý theo quy định nên anh Lê Việt T, chị Lê Thị Bảo N không có trách nhiệm liên đới trong các Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và ông Lê Văn V1;

Vì thế anh Lê Việt T, chị Lê Thị Bảo N không có trách nhiệm liên đới trả nợ gốc, tiền lãi phát sinh trong các hợp đồng tín dụng trên cho nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lê Việt T, chị Lê Thị Bảo N về phần này.

[2.2]. Xét Hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng N1 và hộ ông Lê Văn V1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Để đảm bảo khoản vay cho hai hợp đồng tín dụng trên nên ông Lê Văn V1 có thể chấp tài sản là Quyền sử dụng đất do ông Lê Văn V1 đứng tên gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CT 510874, số vào sổ CS02874: thửa 42, tờ bản đồ: 14, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 08/11/2019 với diện tích 3.94,6m², đất tại xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp), tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 2022-849/HĐTC ngày 11/07/2022; Hợp đồng thế chấp tài sản có đăng ký giao dịch đảm bảo;

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì trong trường hợp ông Lê Văn V1 không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng N1 có quyền yêu cầu Thi hành án Dân sự phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số: CT510874, số vào sổ CS02874: thửa 42, tờ bản đồ:14, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 08/11/2019 với diện tích 394,6 m², đất tại xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) để thu hồi nợ.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hiện tại, khoản nợ đã quá hạn nhưng ông Lê Văn V1, bà Phạm Thị G không trả nợ nên việc Ngân hàng N1 yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng là phù hợp.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị G phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Chị Lê Thị Bảo N, anh Lê Việt T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4]. Những thiếu sót Tòa cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm: Về chủ thể yêu cầu khởi kiện là Ngân hàng N1 nên khi buộc trả nợ thì trả nợ Ngân hàng N1;

Về việc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì cần phải xác định rõ là phải tiếp tục chịu lãi suất theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng trên số dư nợ gốc cho đến khi trả xong nợ.

[5]. Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các điều 91, 92, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng các điều 293, 294, 317, 320, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật thi hành án Dân Sự.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị G;

Chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị Bảo N, anh Lê Việt T;

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2025/DS-ST, ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - tỉnh Đồng Tháp;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1:

Buộc ông Lê Văn V1, bà Phạm Thị G phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng N1 số tiền gốc của Hợp đồng tín dụng số 6505LAV202206496 là: 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng) và lãi tạm tính đến ngày 27/05/2025 là: 73.100.000 đồng (bảy mươi ba triệu một trăm nghìn đồng) (trong đó lãi gốc: 69.000.000 đồng; lãi chậm trả 4.100.000 đồng);

Buộc ông Lê Văn V1, bà Phạm Thị G phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng N1 số tiền gốc của Hợp đồng tín dụng số 6505LAV202305662 là: 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng) và lãi tạm tính đến ngày 27/05/2025 là: 34.000.000 đồng (ba mươi bốn triệu đồng) (trong đó lãi gốc: 29.000.000 đồng; lãi chậm trả 5.000.000 đồng);

Nếu ông Lê Văn V1, bà Phạm Thị G chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 6505LAV202206496, ngày 12/07/2022 và Hợp đồng tín dụng số 6505LAV202305662, ngày 17/07/2023 trên số dư nợ gốc cho đến khi trả xong nợ;

Trong trường hợp ông Lê Văn V1, bà Phạm Thị G không trả nợ cho Ngân hàng N1 thì toàn bộ tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2022-849/HĐTC ngày 11/07/2022, có đăng ký giao dịch đảm bảo được xử lý kê biên, bán đấu giá tại giai đoạn thi hành án để đảm bảo thanh toán nợ cho Ngân hàng N1 theo quy định của pháp luật. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ, ông Lê Văn V1, bà Phạm Thị G vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng N1.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn V1, bà Phạm Thị G có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 25.484.000 đồng.

Ngân hàng N1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên trả lại cho Ngân hàng N1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà Ngân hàng đã nộp là 14.780.000đồng theo biên lai thu số 0001399 ngày 08/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Phạm Thị G phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà bà G đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0003300 ngày 02/10/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Trả lại chị Lê Thị Bảo N, anh Lê Việt T số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà mỗi người đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0003302, ngày 02/10/2025 và biên lai thu số 0003565, ngày 06/10/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***. Nơi nhận:**

- TPTTANDTC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực 10 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Vĩnh Hữu